

Bài văn mẫu Phân tích bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

Bài văn mẫu số 1: Phân tích bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ, nhà văn hàng đầu ở Nam Bộ thời kì văn học Trung đại, là ngôi sao sáng của văn học dân tộc. Ông để lại sự nghiệp sáng tác đồ sộ, thể hiện lí tưởng nhân nghĩa và lòng yêu nước sâu sắc. Trong hệ thống tác phẩm đó ta không thể không nhắc đến Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của ông.

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc sáng tác trong hoàn cảnh thực dân Pháp nổ súng xâm lược ta, cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân Cần Giuộc nổ ra và giành thắng lợi bước đầu. Sau đó giặc phản công dữ dội, 20 nghĩa sĩ bị giết chết. Bảy giờ, tuần phủ Gia Định là Đỗ Quang đã yêu cầu Nguyễn Đình Chiểu viết 1 bài văn tế để đọc trong lễ truy điệu của các nghĩa sĩ Cần Giuộc.

Mở đầu tác phẩm, Nguyễn Đình Chiểu luận bàn về lẽ sống chết: “Súng giặc đất rền; lòng dân trời tỏ/ Mười năm công võ ruộng, chưa ắt còn danh nổi như phao; một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ”. Tác giả vẽ ra bối cảnh thời đại với nhiều biến cố, bão táp: giặc được trang bị vũ khí tối tân, đã tàn sát biết bao người dân Nam Bộ. Chính trong hoàn cảnh ấy đã thử thách tâm lòng của con người đối với đất nước. Người dân Nam Bộ đã không nê hà sống chết, đem thân mình chiến đấu chống lại kẻ thù. Họ sẵn sàng từ bỏ, hy sinh những gì quý giá nhất (tài sản, tính mạng) để đổi lại danh tiếng, tiếng thơm lưu truyền với muôn đời. Qua đó đã làm sáng tỏ chân lí của thời đại: Chết vinh còn hơn sống nhục.

Phần tiếp theo của tác phẩm, chân dung hình tượng người nghĩa sĩ nông dân hiện lên vừa mộc mạc, giản dị nhưng đồng thời cũng vô cùng anh dũng kiên cường. Trước khi giặc ngoại xâm đến họ vốn chỉ là những người nông dân vô cùng thuần phác, họ sống cuộc đời bình dị, “cui cút làm ăn” với biết bao lo toan, bộn bề của cuộc sống. Họ chỉ biết đến nơi làng quê nghèo, mà chưa từng biết đến thế giới ngoài kia. Quanh năm suốt tháng những người nông dân ấy bận rộn với công việc nhà nông: “việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm” còn những việc “tập khiên, tập sung, tập mác, tập cờ mắt chưa từng ngó”. Nhưng khi giặc xâm lược đến bờ cõi, đến sự bình yên vốn có, họ sẵn sàng đứng lên, trong họ có sự chuyển biến lớn về nhận thức và tình cảm. Trước hết đó là sự chuyển biến trong tình cảm. Họ đã nghe ngóng “tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng” - tin giặc đến phong thanh họ đã nghe từ lâu. Không chỉ nghe họ còn ngửi thấy cả mùi đấu tranh: “Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm” và cuối cùng họ đã nhìn thấy tận mắt sự xâm lược, độc ác của kẻ thù: “Bữa thấy bông bong che trắng lốp, muốn tới ăn gan; ngày xem ông khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ”. Đến lúc này họ đã có những chuyển biến rõ ràng về nhận thức, nếu ban đầu trong những người nông dân ấy vẫn còn có niềm tin vào triều đình, trông chờ vào quân đội “như trời hạn trông mưa” thì đến đây họ đã có nhận thức rõ ràng về nền độc lập và danh dự của tổ quốc; về kẻ thù – những kẻ đi xâm lăng thì không có lí do để tồn tại dưới ánh sáng chính nghĩa và hơn thế họ nhận thấy trách nhiệm của bản thân với đất nước: “Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình, chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc rat ay bộ hồ”. Sự chủ động của họ thật oai phong,凛 liệt đầy dũng khí.

Trong trận đánh Tây họ không được trang bị binh pháp, chưa một ngày được rèn luyện võ nghệ, trang bị của họ hết sức thô sơ chỉ là những vật dụng sinh hoạt và lao động hàng ngày: “Ngoài cật có một manh áo vải” “trong tay cầm một ngọn tầm vông” “hỏa mai đánh bằng rom con cúi”,... Ngược lại, địch được trang bị vũ khí tối tân, hơn nữa chúng còn được rèn luyện vô cùng tinh nhuệ: “đạn nhỏ đạn to” “tàu đồng súng nổ”. Sự tương quan lực lượng hai bên đã thấy rõ, nhưng người nghĩa sĩ nông dân vẫn “Đạp rào lướt tới”, “coi giặc cũng như không”, “Xô cửa xông vào liều mình như chẳng có”, “Đâm ngang chém ngược làm cho mã tà ma ní hồn kinh”,... Không hề sợ hãi trước uy lực của kẻ thù. Bằng việc sử dụng liên tiếp các động từ mạnh, nhịp điệu nhanh, gấp gáp tác giả đã vẽ lên khung cảnh chiến trường ác liệt, đồng thời cũng ánh lên vẻ đẹp của người nông dân nghĩa sĩ: hiên ngang, kiên cường, dũng cảm, bất khuất.

Nhưng vũ khí hiện đại của kẻ thù đã khiến biết bao nghĩa sĩ ngã xuống, gây nên niềm tiếc thương cho toàn thể dân tộc. Tiếng khóc của tác giả, của người thân và của toàn thể non sông dân tộc cho sự hi sinh anh dũng của những con người quả cảm, đó cũng là sự khóc thương cho số phận của người nhà, từ nay sẽ rơi vào vòng nô bộc của kẻ thù. Đồng thời tác giả cũng bộc lộ niềm cảm phục sâu sắc đến những người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc: “Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh; hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất khổ”. Đoạn thơ không chỉ bày tỏ lòng tiếc thương trước những người đã mất mà còn khẳng định những điều bất tử với thời gian và hướng tới sự tiếp nối của thế hệ tương lai. Bởi vậy câu thơ có bi thương, xót xa nhưng không phải là bi lụy, yếu đuối.

Những vần thơ cuối cùng đã khẳng định sự bất tử của những nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc trong sự tiếc thương và cảm phục của những người còn lại. Đồng thời biểu dương công trạng xả thân vì nghĩa lớn của các nghĩa sĩ. Đặc biệt trong câu: “Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên dân; cây hương nghĩa sĩ thấp thêm thơm, cảm bởi một câu vương thổ” vừa thể hiện được nỗi xót thương và lòng tưởng nhớ những người đã mất vừa tôn vinh công trạng của họ trong sự so sánh ngầm với triều đình.

Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, gần gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày, đặc biệt ngôn ngữ đậm màu sắc Nam Bộ. Xây dựng hình tượng nghệ thuật – nghĩa sĩ nông dân chân thực, chi tiết, sinh động, lần đầu tiên người nông dân được xuất hiện đầy đẹp đẽ, trang trọng đến vậy. Kết hợp hài hoà các chi tiết thể hiện tình cảm xúc của người viết, tăng chất trữ tình cho bài văn tế, đồng thời giúp dễ dàng đi vào lòng người đọc.

Bằng ngôn ngữ giản dị, giàu cảm xúc Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc đã khắc họa thành công bức tượng đài bi tráng, bất tử về người nghĩa sĩ nông dân. Đồng thời qua tác phẩm, Nguyễn Đình Chiểu đã bày tỏ lòng cảm phục cũng như nỗi tiếc thương trước những công trạng và sự hi sinh bất khuất của họ.

Bài văn mẫu số 2: Phân tích bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

“Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường...con mắt chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy và càng nhìn thì mới càng thấy sáng” đó là lời nhận xét của cố thủ tướng Phạm Văn Đồng dành cho cuộc đời và thơ văn Đồ Chiểu. Nguyễn Đình Chiểu nhà thơ mù lòa nhưng tâm ông vẫn luôn sáng. Nhắc đến ông người ta không quên nhắc đến “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” tác phẩm tiêu biểu và thành công nhất cho thể loại văn tế để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả. Tác phẩm thể hiện lòng biết ơn, sự xót thương, cảm phục của tác giả dành cho những người nông

dân_nghĩa sĩ Cần Giuộc anh dũng, quả cảm quên mình vì nước. Để phân tích bài văn một cách bao quát và độc đáo nhất ta chọn con mắt nhìn và điểm nhìn từ tinh thần yêu nước của người nông dân.

Những người nông dân họ vốn là những con người thuần phác của nhà nông nhưng nay vì lòng yêu nước thương nòi, lòng căm thù giặc sâu sắc mà họ trở thành những chiến binh anh dũng đã hy sinh trong trận chiến rầm rập tháng 11 năm 1861 _ thời điểm cam go của những ngày đầu chống Pháp.

Tại vì sao mà lại như vậy? Bởi “Súng giặc đất rền; lòng dân trời tỏ” câu tứ tự hai vế tuy ngắn gọn nhưng khái quát được hoàn cảnh, tình thế của đất nước lúc bấy giờ. Năm 1858 thực dân Pháp xâm lược nước ta chúng đánh chiếm, thi hành những chính sách áp bức bóc lột nặng nề đẩy nhân ta vào cảnh lầm than cùng cực. Câu văn trên đã cho ta thấy sự dã man của thực dân. Chúng có vũ khí tối tân, sức công phá dữ dội, súng nổ vang rền mặt đất. Điều đó khiến cho ta nhớ tới tội ác của giặc Pháp được nhà thơ tố cáo trong bài “Chạy giặc”:

“Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây

Một bàn cờ thế phút sa tay

Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy

Mất ổ bầy chim dáo dác bay

Bến Nghé cửa tiền tan bọt nước

Đồng Nai tranh ngôi nhuộm màu mây”

Tiếng súng vô tâm vô tình của quân giặc không bỏ sót một ai, không trừ một cảnh vật nào. Tất cả trở nên hoang tàn, xơ xác, lũng loạn sau “tiếng súng Tây”. Giặc thì như vậy chúng hiện đại hơn ta rất nhiều về trang thiết bị, về vật chất, số lượng binh lính còn ta chỉ có một tấm lòng, một truyền thống yêu nước mãnh liệt của người nông dân, của những con người Việt Nam. Nghệ thuật tiểu đối được sử dụng rất thành công đối rất chỉnh, rất chuẩn: Mười năm <> một trận, công (vật chất) <> nghĩa (tinh thần), chưa ắt còn danh nổi như phao <> tuy là mất tiếng vang như mõ đã khẳng định tinh thần quyết tâm đánh giặc, làm nền để người nông dân xuất hiện. Tiếng khóc “hỡi ôi” quen thuộc mở đầu cho bài tế. Tiếng khóc lớn bày tỏ nỗi niềm đau xót, khóc thương cho linh hồn của những nghĩa sĩ đã hy sinh oanh liệt.

Nhà thơ đã hồi tưởng và khắc họa lại hình ảnh những người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc những người nông dân thuần phác thôn quê có một tinh thần yêu nước quật khởi với cụm từ “Nhớ linh xưa”. Trước tiên họ là con người của ruộng đồng, của nông nghiệp, lam lũ mưu sinh “Cui cút làm ăn, toan lo nghèo khó” đúng như Hoài Thanh nhận xét “Biết bao yêu thương trong một chữ cui cút”. Nhà thơ bày tỏ lòng thương cảm đối với con người hiền lành, đáng đấp vất vả đến tội nghiệp. Họ là những con người chất phác, thuần nông ngoài việc đồng áng “chỉ biết ruộng trâu”, không gian giao tiếp bó hẹp “ở trong làng bộ” với công việc của nhà nông “Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy tay vốn quen làm”. Nào họ có biết chi đến việc binh đao, giáo mác “Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung” rồi “tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ mắt chưa từng

ngó”. Biết bao cái chưa biết ấy thế mà khi giặc xâm lăng những nhiều, triều đình chống cự yếu ớt họ can đảm bỗng chốc trở thành những người nghĩa sĩ anh hùng cứu nước.

Lúc đầu họ cũng trông cũng mong vào sự phản công của triều đình. Nhưng trước bối cảnh nguy kịch, triều đình bạc nhược để cho con dân của mình thốt lên “Tiếng phong hạc phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa”. Điển tích “tiếng phong hạc” lấy ở câu “Phong thanh hạc lệ, thảo mộc giai bình” để chỉ nỗi lo âu, hồi hộp, sợ hãi trước sự tấn công hung bạo của kẻ thù. Là con là dân họ chỉ biết mong chờ vào quan phụ mẫu của mình mong cho đất nước được bình yên để họ an tâm lập nghiệp nhưng chỉ là mòn mỏi trong chờ đợi mười tháng vơi vợi. Và tất nhiên họ không thể dương con mắt nhìn đất nước rơi vào tay giặc. Trước đó họ chỉ ghét chúng bởi “mùi tinh chiên vấy vá” tức chỉ mùi hôi tanh của giặc Pháp với hình ảnh so sánh rất độc đáo “ghét thói mọn như nhà nông ghét cỏ”. Đó là một cái lẽ tự nhiên. Cách dùng từ thật sáng giá phù hợp tâm lí và suy nghĩ của người nông dân. Sự căm ghét được đẩy lên mức độ cao hơn khi “Bữa thấy bông bong che trắng lốp”, “Ngày xem ống khói chạy đen sì” mà “muốn tới ăn gan”, “muốn ra cắn cỏ”. Sự nhức nhối đến tận cùng, sự căm thù đến tột độ phải đến câu sau mới lên đến đỉnh cao “Một môi xa thư đồ sộ, há để ai chém rấn đuôi hươu; Hai vàng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê bán chó”. Điển tích, điển cố, từ ngữ Hán Việt đặc biệt thành ngữ “treo dê bán chó” được tập trung để thể hiện ý chí quyết tâm chống giặc, con mắt tinh tường của nhân dân. Mặt nạ “khai hóa”, “truyền đạo” của giặc Pháp bị bóc trần phơi bày dã tâm cướp nước ta của chúng.

Truyền thống và tinh thần của dân tộc cùng với tội ác của giặc Pháp đã thôi thúc họ đứng lên đấu tranh với tất cả tâm lòng của người con Việt. Nhà thơ cảm phục trước tinh thần và việc làm của họ điều đó đối lập hoàn toàn với thực lực của người nông dân. Họ không đợi ai đòi ai bắt mà tự nguyện chiến đấu “phen này ra sức đoạn kinh, chẳng thềm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ” hàng loạt các động từ vị ngữ chỉ hành động thể hiện quyết tâm hăm hở, khí thế hào hùng tiếp nối hào khí Đông A của thời đại nhà Trần. Họ “Rũ bùn đứng dậy sáng lòa” chiến đấu khi trong tay là những vật dụng thô sơ, là những công cụ lao động thường ngày của nhà nông là manh áo vải, ngọn tầm vông, rơm con cúi, lưỡi dao phay... Họ không phải đồng đội nhà binh, không được tập luyện, không có tổ chức, không có hiệu lệnh, đội ngũ, kỷ luật, vũ khí lại thô sơ. Chính những “cái không” ấy làm nổi bật lên “cái có” vô giá tiềm ẩn trong con người Cần Giuộc. Bởi họ có ý thức quyết tâm đánh giặc, có một tinh thần yêu nước không đôi, có một lòng căm thù giặc đến vô cùng. Điều đó đã làm nên sức mạnh vô song để họ đạp rào lưới tới, coi giặc cũng như không, không sợ đạn to đạn nhỏ mà liều mình xông vào như chẳng có, rồi kẻ đâm gang, người chém ngược làm cho quân giặc khiếp sợ. Giọng điệu hào hùng, sục sôi qua cách ngắt nhịp, nhịp điệu gấp, dồn dập cùng với những động từ mạnh “đạp rào lưới tới”, “xô cửa xông vào”, “đâm ngang chém ngược” và một giọng văn đanh thép, hùng tráng để thể hiện cái hiên ngang, quật cường với thái độ căm thù giặc như muốn ăn gan, uống máu quân thù.

Niềm thương tiếc của nhà thơ dành cho những người nghĩa sĩ đã khuất được thể hiện bằng cụm từ mở đầu “Khá thương thay” ở đoạn ba. Sang đoạn kết từ “Ôi” xuất hiện bày tỏ lòng xót thương và lời cầu nguyện của người đứng tể. Giọng điệu bi ai trùng xuống đến thống thiết đau buồn. Tác giả thương xót cho những người dân phải chịu khó, chịu khổ “ăn tuyết nằm xương” làm “xiêu mưa ngã gió”. Ông khẳng định ý chí quyết tâm của dân tộc thà “về theo tổ phụ cũng vinh” chứ chẳng chịu khom lưng uốn gối làm nô lệ. Đằng sau tiếng khóc lớn, tiếng khóc rờn xót thương là mong muốn, ước nguyện của tác giả. Ông mong cho đất nước được thái bình, dân đen thoát cảnh lầm than cơ cực, mong cho dân tộc sạch bóng quân thù. Dù bị mù không thể ra trận chinh chiến nhưng Nguyễn Đình Chiểu vẫn cùng với các lãnh tụ nghĩa quân họp bàn bày mưu đánh giặc.

Đến khi giặc đánh chiếm Nam Kỳ ông ở lại Ba Tri chúng ra sức dụ dỗ, mua chuộc ông nhưng con người kiên trung ấy khảng khái chối từ, giữ trọn tấm lòng son với dân tộc.

“Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” là bài văn thành công nhất cho thể loại văn tế của Nguyễn Đình Chiểu. Bài văn đã có những đóng góp mới mẻ nền văn học dân tộc cùng với nghệ thuật đắt giá được sử dụng tài tình. Thứ nhất những đóng góp mới: hình tượng người nông dân Việt Nam lần đầu tiên đi vào trong văn học với những nét thuần phác nhất có điệu bộ, dáng dấp, tính cách, cảm xúc và tình cảm rõ ràng. Đề tài gắn liền với thực tế mang tính thời sự lúc bấy giờ của đất nước. Đáng chú ý là sự chuyển biến của tư tưởng trung quân theo hướng gia tăng chất hiện thực, giảm bớt “khẩu khí” lí tưởng. Tác phẩm đã đưa văn học giai đoạn này trở thành vũ khí đấu tranh chống quân thù, chống tư tưởng đầu hàng và bọn phản động tay sai bán nước. Thứ hai là những thủ pháp nghệ thuật đắt giá được sử dụng thành công. Bài văn tế được viết theo thể phú Đường luật có vần, có điệu. Từ ngữ biểu cảm trực tiếp, gọi tên các trạng thái đa dạng như buồn thương, sầu tủi khi thì tự hào. Hệ thống các từ láy gọi hình gọi cảm được dùng linh hoạt: Cui cút, leo lét, nảo nùng, dật dờ,...Ngôn ngữ bình dị, đậm màu sắc thôn dã của vùng đất Nam Bộ: Cui cút, vẩy vá, rơm con cúi, dao phay.... Kết hợp tài tình những điển tích điển cố, ước lệ tượng trưng như: Tiếng phong hạc, mùi tinh chiên, mối xa thư, chém rắn đuối hươu... Nghệ thuật tiêu đối đặc trưng của thể loại văn tế được thể hiện rõ nét qua các câu văn cùng với kết cấu ngôn ngữ phủ định trùng điệp: “Nào đợi/ chẳng thềm/ nào phải/ chẳng qua/chẳng đợi/không chờ...” nghệ thuật tương phản hai cấp độ được sử dụng thành công là “Hỏa mai...gươm đeo.../ Chi nhọc quan quân...chẳng sợ thằng Tây.../ Kẻ đâm ngang...bọn hè trước...súng nổ.” Giọng điệu linh hoạt lúc thì hùng oai, sục sôi khi diễn tả cái hiên ngang, lúc thì bi ai, thống thiết khi nói về sự mất mát, đau buồn.

Chính những điều đó đã khắc họa được hình tượng người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc những con người anh dũng dám hy sinh vì nghĩa lớn với một lòng nồng nàn yêu nước “Nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”. Tinh thần ấy, con người ấy trở thành hình tượng đẹp, đáng nể phục và là tấm gương sáng cho thế hệ trẻ Việt Nam. Nếu như trước khi thực dân Pháp xâm lược thơ văn của Đồ Chiểu chủ yếu là thể loại truyện thơ dài với nhân vật tiêu biểu là Lục Vân Tiên để truyền bá đạo lí và tư tưởng làm người thì ở giai đoạn sau năm 1858 thơ văn Đồ Chiểu là lá cờ đầu cho văn thơ chống Pháp đầu thế kỉ XIX, cổ vũ lòng yêu nước. Bài văn tế đã góp phần để Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng thực sự tỏa sáng theo cách của riêng mình trong bầu trời văn nghệ của dân tộc.

CLICK NGAY vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải các bài văn mẫu Phân tích bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc Văn lớp 11 file word, pdf hoàn toàn miễn phí.